

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HS-ST
Ngày 27 - 10 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG**

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đoàn Ngọc Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Bình; bà Phạm Thị Thoả.

- Thư ký phiên toà: Ông Lâm Thái Hùng là Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Lài - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2021 đối với.

Bị cáo Nguyễn Văn Y; sinh năm: 1984, tại xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; N cư trú: Thôn L A, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1959; có vợ: Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 và con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi N cư trú tại xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Trợ giúp viên pháp lý; N công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1978; trú tại thôn L A, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Vàng Thị S, sinh năm 1970, trú tại thôn Giàng Trù D, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993, trú tại thôn L A, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người phiên dịch tiếng dân tộc Mông*: Ông Cháng Mí L; N cư trú: Tổ 4 thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 26/6/2021 Nguyễn Văn Y đi bộ từ nhà lên khu vực đồi nương thuộc thôn L A, xã D để bắt chim, khi đi qua khu vực núi đá thì thấy có 03 con Dê do bà Vàng Thị S buộc ở vách đá (*trong đó có 01 con Dê cái lông màu đen, nặng 32kg là của ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1978 trú tại thôn L A nhờ bà S nuôi hộ*) không có người trông coi nên Y nảy sinh ý định lấy trộm, liền dùng tay dặt 01 sợi dây rừng dài 2,2m buộc vào sừng của con Dê cái màu đen nặng 32kg (*là con dê của ông N nhờ bà S nuôi hộ*) rồi cởi dây thừng đang buộc Dê ra, và dắt con Dê đi xuống khoảng 01km thì sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu MASTEL loại bàn phím của mình gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T, trú cùng thôn hỏi T có mua Dê không, T đồng ý mua và hẹn gặp Y ở khu vực đồi đằng sau nhà T (*cách nhà T khoảng 200m*) để thỏa thuận việc mua bán Dê. Sau đó Nguyễn Văn Y dắt Dê đến địa điểm đã hẹn đợi T đến khoảng 11 giờ cùng ngày thì T đến, tại đây T hỏi Y là “*Dê lấy ở đâu?*” Y nói là “*Dê Y nhờ người Mông nuôi ở trên đồi*”, sau đó Y thỏa thuận bán Dê cho T với giá 1.600.000đ, T đồng ý trả trước cho Y 800.000đ và nói với Y là còn 800.000đ sẽ trả sau, Y đồng ý cầm 800.000đ và giao con Dê cho Nguyễn Văn T rồi đi về nhà. Đến chiều cùng ngày ông Nguyễn Văn N đi tìm và thấy con Dê ở nhà Nguyễn Văn T nên ông N đã hỏi T về con Dê rồi dắt con Dê mang về nhà. Sau khi ông N dắt con Dê đi về nhà thì T gọi điện thoại hỏi Y và nói con Dê Y bán cho T là con Dê của ông N, ông N đã dắt con Dê mang về nhà. Lúc này Y thấy sự việc đã bị phát hiện nên Y đã đến nhà T trả lại cho T số tiền 700.000đ còn 100.000đ Y đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 29/6/2021 bà Vàng Thị S làm đơn trình báo lên Công an huyện Y đề nghị giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/7/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã có Yêu cầu định giá tài sản số 29/YC-CSHS-KTMT yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Y định giá đối với con Dê.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 19/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự kết luận: Một con Dê cái lông màu đen (*khoảng 5 tuổi*) có chiều dài từ đầu đến đuôi là 90cm; chiều cao từ chân đến sừng là 75cm; chiều cao từ chân đến vai là 60cm; vòng bụng rộng nhất là 90cm; có trọng lượng là 32kg tại thời điểm ngày 26/6/2021 trị giá 4.800.000đ (*bốn triệu tám trăm nghìn đồng*).

Ngày 08/07/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã tiến hành cho Nguyễn Văn Y xác định hiện trường nơi Y thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đồng

thời cho bà Vàng Thị S xác định hiện trường nơi bị mất trộm tài sản. Kết quả Nguyễn Văn Y và bà Vàng Thị S đều xác định hiện trường nơi xảy ra vụ việc là tại khu vực vách đá thuộc địa phận thôn L A, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Ngày 02/8/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã tiến hành cho bị cáo Nguyễn Văn Y thực nghiệm điều tra, kết quả Nguyễn Văn Y đã diễn tả lại toàn bộ diễn biến sự việc trộm cắp tài sản của mình phù hợp với lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 (một) con Dê cái khoảng 5 tuổi lông màu đen nặng 32kg, bị hại là ông Nguyễn Văn N có đơn xin lại tài sản nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã ra Quyết định xử lý đồ vật tài liệu số 16/QĐ-CSHS-KT-MT ngày 29/6/2021 trả lại vật chứng là con Dê cho ông Nguyễn Văn N;

- 01 (một) sợi dây rừng dài 2,2m một đầu buộc thắt thông lọng;

- 01 (một) sợi dây thừng đã qua sử dụng dài 5,02m một đầu buộc thắt thông lọng.

Ngày 25/8/2021 bị cáo đã trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Nguyễn Văn T số tiền 100.000đ, anh T đã nhận đủ số tiền trên.

Quá trình điều tra, bị hại ông Nguyễn Văn N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vàng Thị S và anh Nguyễn Văn T đều đề nghị xử lý bị cáo Nguyễn Văn Y theo quy định của pháp luật và không có yêu cầu gì về phần dân sự.

Đối với Nguyễn Văn T là người đã mua con Dê do Nguyễn Văn Y trộm cắp được, tuy nhiên quá trình mua bán T không biết con Dê là tài sản do Y trộm cắp nên không có căn cứ để xử lý hình sự đối với Nguyễn Văn T.

Bản Cáo trạng số: 19/CT-VKS-YM ngày 07/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Y về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Y từ 6 (sáu) đến 9 (chín) tháng tù.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm bào chữa: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo Nguyễn Văn Y về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã T khản khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hiểu biết pháp luật hạn chế. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, do vậy người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến đối đáp của Kiểm sát viên: Về tội danh, áp dụng điều luật, mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo, người bào chữa có cùng quan điểm với Viện kiểm sát nên Kiểm sát viên không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhất trí với Cáo trạng và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, không ai có ý kiến tranh luận.

Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến đối đáp, tranh luận thêm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị xử lý về hình sự là đúng, không oan, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, nghe lời khai của bị cáo, lời bào chữa của người bào chữa, bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã T khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo trước tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản, sơ đồ, bản ảnh xác định hiện trường; biên bản, sơ đồ, bản ảnh thực nghiệm điều tra, lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng toàn bộ chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn Y một lần nữa thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể khoảng 09 giờ ngày 26/6/2021, Nguyễn Văn Y đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 con Dê cái màu đen nặng 32kg trị giá 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm nghìn đồng) theo kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 19/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Y, tỉnh Hà Giang của ông Nguyễn Văn N đang nhờ bà Vàng Thị S nuôi hộ và buộc tại vách đá thuộc địa phận thôn L A, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

[4] Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo về tội danh, điều luật trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y là có căn cứ, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Y đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được luật hình sự bảo vệ, trong khi bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, nhằm chiếm đoạt tài sản, nên cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, sống có ích cho xã hội, biết tuân thủ các quy định của Nhà nước và phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần xem xét áp dụng giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo khi lượng hình là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa đối với bị cáo.

[8] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

[9] Quyết định bắt tạm giam bị cáo sau khi tuyên án để đảm bảo thi hành án.

[10] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định được, bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, là người thuộc đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế -

xã hội đặc biệt khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Vàng Thị S và ông Nguyễn Văn T không có yêu cầu bồi thường về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý như sau.

[13] Tịch thu tiêu huỷ đối với các vật chứng là công cụ phạm tội không có giá trị và không sử dụng được gồm: 01 (một) sợi dây rừng dài 2,2m một đầu buộc thắt thòng lọng và 01 (một) sợi dây thừng đã qua sử dụng dài 5,02m một đầu buộc thắt thòng lọng.

[14] Tình trạng các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/10/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hà Giang.

[15] Đối với Nguyễn Văn T, sinh năm 1993, trú tại thôn L A, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang là người đã mua con Đê do bị cáo trộm cắp nhưng T không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[16] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Y phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[17] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa: Căn cứ nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện và đề nghị tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 136; khoản 2, khoản 3 Điều 329; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Y, phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Y 7 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 27/10/2021.

3. Biện pháp tư pháp: Quyết định bắt tạm giam bị cáo Nguyễn Văn Y sau khi tuyên án với thời hạn là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

4. Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) sợi dây rừng dài 2,2m một đầu buộc thắt thông lọng và 01 (một) sợi dây thừng đã qua sử dụng dài 5,02m một đầu buộc thắt thông lọng.

(Tình trạng các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/10/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hà Giang).

5. Án phí hình sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Y phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

N nhận:

- TAND Tỉnh Hà Giang;
- VKS tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Phòng PC 10, PC 11, PV 06 Công an tỉnh Hà Giang;
- VKS huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Cơ quan THAHS huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo, bị hại;
- Người CQLNVLQ;
- Lưu hsva, hstha, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Đoàn Ngọc Vĩnh